

Số: /QĐ-ĐHCNKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa năm 2026 của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP.HCM

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-TTg ngày 26/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023; Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023; Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM;

Căn cứ Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT về Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Học liệu và Dạy học số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa năm 2026 Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Thành viên Hội đồng tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa năm 2026, Giám đốc Trung tâm Học liệu và Dạy học số và Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- HĐTS ĐTTX 2026;
- Đăng website;
- Lưu: VT, VBĐT, HLDHS, Phong.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Hiếu Giang

**THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA NĂM 2026**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: UTE

3. Địa chỉ các trụ sở:

- Cơ sở chính: Số 01 Võ Văn Ngân, Phường Thủ Đức, TP.HCM

- Cơ sở 2: Số 484 Lê Văn Việt, Phường Tăng Nhơn Phú, TP.HCM

- Phân hiệu tại Bình Phước: Số 899 Quốc lộ 14, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://daotaotuxa.hcmute.edu.vn/>

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh, thông tin tuyển sinh:

<https://daotaotuxa.hcmute.edu.vn/TopicId/57d58c06-d57f-48ef-bb41-55bbeaea1c3c/ke-hoach-dao-tao>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0708653327 (Hotline), 091.20.888.30 (T. Phong), 0912.480.947(T. Hưng), 0889.700.239 (T. Triết).

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:

Địa chỉ công khai thông tin về hoạt động của nhà trường:

- Thông tin chương trình đào tạo; kế hoạch tuyển sinh, phương thức, ngành,...:

<https://daotaotuxa.hcmute.edu.vn>

- Các thông tin khác (đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm): <https://hcmute.edu.vn/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Đối tượng dự tuyển: Người đã tốt nghiệp cao đẳng, đại học.

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển:

+ Người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học ngành phù hợp; và đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định;

+ Người tốt nghiệp cao đẳng, đại học có thể học liên thông các chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng chuyên môn phù hợp nếu đáp ứng được các điều kiện của chương trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM và chương trình đào tạo đã được ban hành.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo kết quả học tập của trình độ đào tạo đã tốt nghiệp (bảng điểm tốt nghiệp cao đẳng/đại học) – Mã phương thức: 500 (phương thức khác theo quy định của Bộ GD&ĐT).

3. Quy tắc quy đổi độ lệch ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh:

- Ngưỡng đầu vào: Điểm trung bình tốt nghiệp Cao đẳng/Đại học từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10 hoặc 2.0 trở lên theo thang điểm 4, đảm bảo điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

- Điểm trúng tuyển: Do Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo từ xa (ĐTTX) Quyết định và công bố trong Quyết định điểm chuẩn trúng tuyển.

4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã phương thức xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
1	500	Kế toán	7340301	Kế toán	60	Xét tuyển theo bảng điểm Cao đẳng
2	500	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	100	
3	500	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	50	

4	500	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy	100	
5	500	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	50	
6	500	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	50	
7	500	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	7549002	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	30	
8	500	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	30	
9	500	Kỹ thuật công nghiệp	7520117	Kỹ thuật công nghiệp	60	
10	500	Kỹ thuật y sinh	7520212	Kỹ thuật y sinh	30	
11	500	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	30	
12	500	Công nghệ may	7540209	Công nghệ may	60	
13	500	Quản lý xây dựng	7580302	Quản lý xây dựng	50	
14	500	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	260	Xét tuyển theo bảng điểm Cao đẳng/Đại học
15	500	Quản lý công nghiệp	7510601	Quản lý công nghiệp	30	Xét tuyển theo bảng điểm Đại học
16	500	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	học

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: không
- b. Điểm cộng: không

c. Tiêu chí phân bổ ngành, chương trình đào tạo: không

d. Các thông tin khác:

- Thời gian đào tạo (Theo quyết định trong chương trình đào tạo, sinh viên phải hoàn thành chuẩn đầu ra theo quy định): 2.5 năm – 3 năm, cụ thể như sau:

TT	Ngành	Chương trình đào tạo	Mã tuyển sinh	Thời gian khóa học
1	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	ĐTTX liên thông Đại học-Đại học (VB2)	7510301LDTX	3,0 năm
		ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7510301LCTX	2,5 năm
2	Kỹ thuật Y sinh (điện tử Y sinh)	ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7520212LCTX	2,5 năm
3	Kế toán	ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7340301LCTX	2,5 năm
4	Quản lý công nghiệp	ĐTTX liên thông Đại học-Đại học (VB2)	7510601LDTX	3,0 năm
5	Ngôn ngữ Anh	ĐTTX liên thông Đại học-Đại học (VB2)	7220201LDTX	2,5 năm
6	Công nghệ Chế tạo máy	ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7510202LCTX	2,5 năm
7	Kỹ thuật Công nghiệp	ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7520117LCTX	2,5 năm
8	Kỹ nghệ gỗ và Nội thất	ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7549002LCTX	2,5 năm
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7510205LCTX	2,5 năm
10	Công nghệ Kỹ thuật nhiệt	ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7510206LCTX	2,5 năm
11	Công nghệ thông tin	ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7480201LCTX	2,5 năm

12	Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng	ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7510102LCTX	2,5 năm
13	Quản lý Xây dựng	ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7580302LCTX	2,5 năm
14	Công nghệ May	ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7540209LCTX	2,5 năm
15	Công nghệ Thực phẩm	ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7540101LCTX	2,5 năm
16	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	ĐTTX liên thông Cao đẳng-Đại học	7510406LCTX	2,5 năm

- Học phí thực hiện thu theo niên chế, với các đối tượng như sau:

Mức học phí: đồng/học kỳ

STT	Chương trình đào tạo	Mã chương trình	Học phí/Học kỳ
Các chương trình đào tạo trình độ đại học ĐTTX đối người đã có bằng đại học (Liên thông ĐH-ĐH)			
1.	Quản lý công nghiệp	7510601LDTX	12.000.000
2.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301LDTX	14.000.000
3.	Ngôn ngữ Anh	7220201LDTX	12.000.000
Các chương trình đào tạo đại học ĐTTX đối với người đã tốt nghiệp cao đẳng (Liên thông CĐ-ĐH)			
4.	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	7510301LCTX	14.000.000
5.	Kỹ thuật y sinh (Điện tử y sinh)	7520212LCTX	14.000.000
6.	Công nghệ chế tạo máy	7510202LCTX	14.000.000
7.	Kỹ thuật công nghiệp	7520117LCTX	14.000.000
8.	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	7549002LCTX	13.000.000
9.	Công nghệ Kỹ thuật công trình xây dựng	7510102LCTX	14.000.000

STT	Chương trình đào tạo	Mã chương trình	Học phí/Học kỳ
10.	Quản lý xây dựng	7580302LCTX	14.000.000
11.	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	7510205LCTX	14.000.000
12.	Công nghệ Kỹ thuật nhiệt	7510206LCTX	14.000.000
13.	Công nghệ thông tin	7480201LCTX	14.000.000
14.	Công nghệ thực phẩm	7540101LCTX	14.000.000
15.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406LCTX	14.000.000
16.	Công nghệ may	7540209LCTX	13.000.000
17.	Kế toán	7340301LCTX	13.000.000

- Lộ trình tăng học phí tối đa cho mỗi năm tiếp theo là 12,5%.

- Hình thức đào tạo:

+ Việc tổ chức ĐTTX được thực hiện theo tín chỉ;

+ Lớp học được tổ chức trực tuyến vào buổi tối (từ 18h00 đến 21h00) các ngày trong tuần. Đối với môn thí nghiệm, thực hành, học trực tiếp cả ngày chủ nhật tại Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. HCM hoặc cơ sở phối hợp đào tạo.

6. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian:

Đợt xét tuyển	Nhận hồ sơ	Thời gian dự kiến nhận kết quả xét tuyển
Đợt 1	Tháng 3/2026	Tháng 4/2026
Đợt 2	Tháng 6/2026	Tháng 7/2026
Đợt 3	Tháng 10/2026	Tháng 11/2026

- Hình thức nhận hồ sơ dự tuyển: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Học liệu và Dạy học số hoặc cơ sở phối hợp đào tạo hoặc chuyển phát nhanh hồ sơ đến Trung tâm Học liệu và Dạy học số - Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. HCM. Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm:

+ 01 Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu);

+ 01 Bản sao Thẻ căn cước hoặc ảnh chụp căn cước điện tử từ VNEID;

+ 01 Bản sao Giấy khai sinh;

+ 01 Bản sao bằng tốt nghiệp Cao đẳng/Đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời còn trong thời hạn quy định;

+ 01 Giấy khám sức khỏe do đơn vị có thẩm quyền cấp (trong vòng 12 tháng);

+ 01 Bản sao bằng điểm Cao đẳng/Đại học;

+ 01 Bản sao bằng tốt nghiệp THPT.

* Lưu ý: Đối với thí sinh đã tốt nghiệp Cao đẳng hệ liên thông phải bổ sung thêm bằng điểm và bằng tốt nghiệp Trung cấp; Đối với thí sinh đã tốt nghiệp Đại học hệ liên thông phải bổ sung thêm bằng điểm và bằng tốt nghiệp Cao đẳng.

- Điều kiện xét tuyển: Thỏa mãn điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường.

7. Chính sách ưu tiên

- Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển: Không áp dụng

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh: 300.000 đồng/hồ sơ

9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh: Nhằm đảm bảo quyền lợi của thí sinh và thực hiện đúng trách nhiệm trong công tác tuyển sinh, nhà trường cam kết thực hiện các quy định sau:

- **Giải quyết khiếu nại của thí sinh:** Trường có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của thí sinh liên quan đến công tác tuyển sinh theo quy trình sau:

+ Tiếp nhận khiếu nại:

(i) Thí sinh có quyền gửi khiếu nại bằng văn bản gửi trực tiếp đến Trung tâm Học liệu và Dạy học số hoặc gửi qua email daotaotuxa@hcmute.edu.vn.

(ii) Khiếu nại phải có đầy đủ thông tin: họ tên, căn cước công dân, ngành/CTĐT dự tuyển, nội dung khiếu nại, tài liệu chứng minh (nếu có).

(iii) Thời hạn gửi khiếu nại: không quá 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả tuyển sinh.

+ Xử lý và phản hồi khiếu nại:

(i) Hội đồng tuyển sinh hệ ĐTTX thành lập bộ phận tiếp nhận và giải quyết khiếu nại.

(ii) Thời gian xử lý: không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được khiếu nại hợp lệ.

(iii) Kết quả giải quyết khiếu nại sẽ được thông báo bằng văn bản hoặc qua email.

+ Nguyên tắc giải quyết khiếu nại:

(i) Công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của thí sinh.

(ii) Xem xét khách quan, xử lý nhanh chóng, đúng quy định của pháp luật và quy chế tuyển sinh.

(iii) Trường hợp khiếu nại không được giải quyết thỏa đáng, thí sinh có quyền gửi đơn lên cơ quan có thẩm quyền.

- **Bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro:** Nhà trường cam kết hỗ trợ thí sinh trong các trường hợp rủi ro ngoài ý muốn, cụ thể:

+ Trường hợp có sai sót trong kết quả tuyển sinh: Nếu có sai sót do lỗi kỹ thuật hoặc nhập liệu, Hội đồng tuyển sinh sẽ rà soát và điều chỉnh kịp thời, đảm bảo quyền lợi của thí sinh.

+ Trường hợp không đủ số lượng mở lớp: Nhà trường sẽ hoàn trả học phí nhập học hoặc hỗ trợ chuyển đổi sang ngành học khác phù hợp hoặc hệ đào tạo vừa làm vừa học (nếu cùng điều kiện trúng tuyển) hoặc bảo lưu sang đợt xét tuyển kế tiếp.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

Thí sinh xem trong thông báo tuyển sinh.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất: Phụ lục đính kèm

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email)

ThS. Nguyễn Minh Triết

SĐT: 0889700239, email: trietnm@hcmute.edu.vn

PGS.TS Nguyễn Thanh Hưng

SĐT: 0912.480.947, email: nthung@hcmute.edu.vn

ThS. Nguyễn Thanh Phong

SĐT: 0912088830, email: phongnt@hcmute.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Hiếu Giang

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ TUYỂN SINH CỦA NĂM 2024 VÀ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	7510301TXLD	Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử	Xét tuyển bằng bảng điểm tốt	60	31	5.30/10 2.05/4.0	60	38	5.4/10 2.0/4.0	
2.	7510601TXLD	Quản lý công nghiệp	7510601	Quản lý công nghiệp	ngành đại học	30	7	5.30/10 2.05/4.0	100	13	5.4/10 2.0/4.0	
3.	7510301TXLT	Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử	Xét tuyển bằng bảng điểm tốt nghiệp	Không tuyển sinh	Không tuyển sinh	Không tuyển sinh	50	28	5.4/10 2.0/4.0	

4	7510202TXLT	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy	trung cấp	Không tuyển sinh	Không tuyển sinh	Không tuyển sinh	50	9	5.4/10 2.0/4.0	
5	7510301TXLC	Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử	Xét tuyển bằng bảng điểm tốt nghiệp cao đẳng	200	171	5.30/10 2.05/4.0	150	228	5.4/10 2.0/4.0	
6	7340301TXLC	Kế toán	7340301	Kế toán		60	42	5.30/10 2.05/4.0	50	29	5.4/10 2.0/4.0	
7	7510202TXLC	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy		100	73	5.30/10 2.05/4.0	100	121	5.4/10 2.0/4.0	
8	7510205TXLC	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô		100	52	5.30/10 2.05/4.0	120	99	5.4/10 2.0/4.0	
9	7480201TXLC	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin		100	78	5.30/10 2.05/4.0	100	68	5.4/10 2.0/4.0	
10	7510102TXLC	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng		50	16	5.30/10 2.05/4.0	-	-	-	

11	7510206TXLC	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt		60	35	5.30/10 2.05/4.0	-	-	-	
12	7520117TXLC	Kỹ thuật công nghiệp	7520117	Kỹ thuật công nghiệp		25	47	5.30/10 2.05/4.0	-	-	-	
13	7540209TXLC	Công nghệ may	7540209	Công nghệ may		20	29	5.30/10 2.05/4.0	-	-	-	